



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 04&05/2025

(21/01/2025 – 03/02/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÁ QUẢ SỬ DỤNG:

Những phát súng thuế quan đầu tiên trong nguy cơ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc 2.0 sẽ tác động dây chuyền đến nền kinh tế toàn cầu, vốn đang tăng trưởng chậm, càng khiến tình hình tồi tệ và thiệt hại nặng nề. Chính quyền mới của tổng thống Mỹ Donald Trump đang mạnh tay áp thuế lên Canada, Mexico, Brazil. Ngoài ra, Liên minh Châu Âu cũng nằm trong tầm ngắm tiếp theo của Mỹ. Các quốc gia kể trên bị Mỹ nhắm đến cũng bắt đầu phản ứng mạnh mẽ bằng việc áp thuế trả đũa - ngòi nổ cho một cuộc chiến không cần thiết sẽ làm suy yếu các nền kinh tế lớn và tổn hại sâu sắc các nền kinh tế nhỏ. Bức tranh thương mại thế giới đang rất khó lường và phụ thuộc vào những diễn biến sắp tới.

Ở mảng tàu hàng khô, từ ngày 20/1-31/1 chỉ số BDI giảm 20% và rớt xuống còn 735 điểm – thấp hơn hẳn so với cùng kỳ năm 2024 (năm 2024 chỉ số BDI luôn ghi nhận từ 900 điểm trở lên). Thị trường nhìn chung bị ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết âm lịch dài tại Trung Quốc và nhiều quốc gia châu Á khác như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Ấn Độ, Thái Lan... vì vậy nên cước tàu khá thấp. Tổng quan các phân khúc tuần qua như sau (tính từ ngày 20/1 đến thời điểm báo cáo): Capesize giảm 35,1% (giảm liên tiếp từ giữa tháng 1), Panamax giảm 7% song hiện trên đà tăng nhẹ trở lại, Supramax giảm 17% (giảm liên tiếp từ đầu tháng 12/2024) và Handysize giảm 16% (vẫn đang trên đà giảm từ cuối tháng 10/2024). Sau Tết âm lịch, thị trường ảm đạm có phần ảm áp trở lại khi ghi nhận nhiều giao dịch mua bán các tàu cỡ lớn từ 70-80k dwt trở lên đang tích cực. Đối với tàu Panamax, hiện giá ở mức khá thấp so với năm 2024 và mặt bằng giá tháng 1/2025 đang khá bình ổn. Trong vòng hai tuần qua đã ghi nhận hơn 10 giao dịch tàu Panamax bán thành công với người Mua chủ yếu đến từ Hy Lạp và Trung Quốc. Đối với tàu Supramax, tuần qua chủ tàu Hy Lạp bán tàu **Papayiannis III** (58.429 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD/SS 12/2025) cho người Mua Trung Quốc với giá khoảng 11,7 triệu đô la Mỹ. Đã lâu rồi mới ghi nhận tàu 15 tuổi đóng Hàn Quốc bán thành công. Mức này khá hợp lý và sẽ là mốc tham chiếu cho các tàu tương tự trong thời gian tới. Người mua Trung Quốc khác cũng vừa chốt tàu già **Orion** (56.071 dwt, đóng 2007 Nhật, DD 08/2025, SS 05/2027) với giá khoảng 10,6 triệu đô la Mỹ. Mức này hơi mềm nếu so với tàu già hơn 2 tuổi **SSI Nemesis** (56.023 dwt, đóng 2005 Nhật, DD/SS 07/2025) được chủ tàu UAE bán với giá khoảng 10,9 triệu đô la Mỹ tháng 12/2024. Ở phân khúc Handysize, ghi nhận tàu già **Isa** (34.939 dwt, đóng 1999 Nhật, DD 07/2025, SS 07/2027) được chốt với giá khoảng 4,4 triệu đô la Mỹ. Tàu được thiết kế nguyên bản để chạy khu vực Ngũ Đại Hồ ở Bắc Mỹ, số lượng tàu này trên thị trường rất ít. Thời điểm gần nhất có tàu tương tự bán là tháng 8/2024 với giá khoảng 5,9 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, giá dầu có xu hướng hạ nhiệt do nhu cầu yếu và dư cung. Giá dầu thế giới có thể tiếp tục hạ nhiệt do Mỹ dự kiến đẩy mạnh khai thác dầu. Từ ngày 20/1 đến 31/1, cũng không nằm ngoài ảnh hưởng Tết âm lịch nên hai chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) đều giảm trung bình 8-12% nhưng rất may là đang tăng nhẹ trở lại. Đối với giao dịch mua bán tàu, giá tàu hiện tại đã mềm hơn phần nào so với năm

2024. Đơn cử như con sôt sãn tàu Suezmax và Aframax, giá tàu lúc này đã giảm trung bình 5-15% so với 3-4 tháng trước nên người Mua đang rất tích cực, quá nửa các giao dịch hai tuần qua là phân khúc lớn từ Aframax trở lên với người Mua chủ yếu đến từ Trung Quốc. Ở phân khúc MR, nhiều mặt bằng giá mới dần được thiết lập. Tàu chemical **Horizon Athena** (50.242 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 09/2026, SS 12/2028) vừa được chốt với giá khá mềm khoảng 18,6 triệu đô la Mỹ. Tháng trước, có tin cặp tàu tương tự trên thị trường được chốt với giá 20,5 triệu đô la Mỹ/tàu song không thành công. Chủ tàu Đan Mạch chốt tàu **Nord Himalaya** (49.936 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 07/2026) với giá khoảng 25 triệu đô la Mỹ - giá giảm trung bình 15-20% so với khoảng 6 tháng trước.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Berge Kita	2013	Japan	207,851	36.70	Seanergy	DD 10/2026, SS 10/2028
Cape Friendship	2005	Japan	185,879	16.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 06/2025, SS 03/2027
Global Enterprise	2010	Japan	176,768	29.00	Korean, HMM	BWTS & scrubber fitted, DD/SS due 04/2025
Gloriuship	2004	Korea	171,314	15.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 04/2027, SS 01/2029
Kambanos	2010	China	87,328	12.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 07/2025
Volos	2014	Japan	82,172	24.50	Greek, Sea Tribute	Incl TC attached at 99% BPI until end Jul-Oct 2025, BWTS fitted, DD 06/2027, SS 06/2029
Athina II	2015	Japan	82,014	25.05	Greek, Sealestial Navigation	Incl TC attached at 105% BPI until 15 Feb-15 Jun 2025, BWTS fitted, DD/SS 06/2025
Kleisoura	2017	Japan	80,982	27.65	Greek, Polforce Shipping	Incl TC attached at 111% BPI until 10 Jul -25 Oct 2025, BWTS fitted, DD 10/2025, SS 10/2027
Patra	2012	Japan	80,596	15.85	Greek	BWTS fitted, DD/SS 10/2025
DL Adonis	2010	China	79,089	12.00	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 12/2025
Navios Asteriks	2005	Japan	76,801	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS due 04/2025
Anais	2002	Japan	76,015	5.60	Chinese	DD 05/2025, SS 02/2027
Camellia	2013	China	75,321	15.80	Chinese	Old sale in Dec 2024, BWTS fitted, DD 06/2026, SS 09/2028
Capt Stefanos	2002	Japan	74,077	6.80	Chinese	BWTS fitted, DD 08/2026, SS 08/2028
Graecia Universalis	2005	Japan	73,902	8.00	Undisclosed	DD/SS due 04/2025
Nord Magellan	2020	Japan	63,547	29.20	Bangladeshi, Meghna	BWTS fitted DD/SS due 04/2025
CMB Rubens	2018	Japan	63,514	27.60	Bangladeshi, Meghna	BWTS fitted, DD 07/2026, SS 07/2028

Kapta Mathios	2009	Tsuneishi Zhoushan, China	58,743	15.70	Undisclosed	Old sale, BWTS fitted, DD/SS 11/2026, Greek owners
Papayiannis III	2010	Korea	58,429	11.70	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 12/2025, Greek owners
Orion	2007	Japan	56,071	10.60	Chinese	BWTS fitted, DD 08/2025, SS 05/2027, Greek owners
Isa	1999	Japan	34,939	4.40	Undisclosed	Laker, BWTS fitted, ice class, 1C, DD 07/2025, SS 07/2027
Rojarek Naree	2005	Japan	29,870	8.50	Chinese	Old sale in Dec 2024, BWTS fitted, DD 09/2027, SS 10/2029, Thai owners
Seacon Yokohama	2023	Japan	13,515	19.90	Singaporean	GC, 2 CR, BWTS fitted, DD 09/2026, SS 09/2028
TANKERS						
Wafrah	2007	Korea	317,788	40.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD due 03/2025, SS 02/2027
Leicester	2017	China	300,852	87.00	Greek	BWTS & scrubber fitted, DD 09/2026, SS 01/2027
Nordic Apollo	2003	Korea	159,988	22.50	GMS	DD 10/2026, SS 07/2028
Cap Victor	2007	Korea	158,853	32.50	Middle Eastern	BWTS fitted, ice class 1C, DD/SS 01/2027
Cap Lara	2007	Korea	158,826	32.50		BWTS fitted, ice class 1C, DD/SS 02/2027
Selena	2007	Japan	150,296	32.00		BWTS fitted, M/E Wartsila, DD/SS 01/2027
Statia	2006	Japan	150,205	32.00		BWTS fitted, DD/SS 02/2026
Kara Sea	2010	Japan	115,191	37.00	Chinese	BWTS & scrubber fitted, DD/SS due 04/2025
Sea Falcon	2007	Japan	110,295	30.50	Chinese	BWTS fitted, DD 10/2025, SS 09/2027
Sea Senior	2006	China	109,647	28.00	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 12/2026
Sousta	2007	Japan	106,045	30.00	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 06/2027
PS Augusta	2011	Korea	51,063	25.50	Middle Eastern	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD/SS 03/2026
Horizon Athena	2008	Korea	50,242	18.60	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD 09/2026, SS 12/2028

Nord Himalaya	2011	Japan	49,936	25.00	Greek	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS 07/2026, Danish owners
Bow Oceanic	1997	Norway	17,460	6.00	Chinese	BWTS fitted, chemical IMO II, stainless steel, M/E MaK, ice class 1C, DD 07/2025, SS 07/2027
CONTAINERS						
Chiquita Farmer	2007	China	34,281	20.00	MSC	2546 teu, 536 feu, BWTS fitted, ice class II, DD 07/2025, SS 06/2027, German owners
Independent Spirit	2007	China	34,281	20.00	MSC	2546 teu, 536 feu, BWTS fitted, ice class II, DD 09/2025, SS 06/2027, German owners
Diamantis P.	1998	Poland	30,340	13.15	Singaporean	Old sale, 2008 teu, 250 feu, BWTS fitted, M/E Sulzer, DD 10/2026, SS 10/2028
Asian Ace	2005	China	23,395	9.50	Greek, Erasmus Corp	1740 teu, ice class 1C, DD/SS 05/2025
HS Hong Kong	2019	Japan	11,787	21.00	Chinese	1096 teu, 120 feu, fully cellular, gearless, BWTS fitted, DD 02/2028, SS 11/2029
OTHERS						
Linden Pride	2001	Japan	49,999	47.50	Undisclosed	LPG, 78000 cbm, BWTS fitted, DD/SS 01/2026
Helium Gas	1999	Italy	17,779	13.70	Undisclosed	LPG, 17800 cbm, BWTS fitted, M/E Sulzer

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm		
		01/2025	1M	3M	6M				12M	01/2025	1M	3M		6M	12M
CAPE SIZE						VLCC									
180k dwt	Resale	75.50	0%	-2%	-1%	5%	59.50	310k dwt	Resale	148.00	-1%	-1%	2%	10%	111.75
180k dwt	5 tuổi	62.00	0%	-3%	-2%	13%	43.25	310k dwt	5 tuổi	114.00	0%	-2%	0%	7%	84.75
170k dwt	10 tuổi	43.00	0%	-4%	-3%	21%	30.50	250k dwt	10 tuổi	85.00	0%	-1%	1%	12%	60.50
150k dwt	15 tuổi	26.50	0%	-7%	-9%	12%	19.50	250k dwt	15 tuổi	54.00	0%	-4%	-6%	-3%	43.25
PANAMAX						SUEZMAX									
82k dwt	Resale	40.00	0%	-3%	-7%	-1%	36.75	160k dwt	Resale	96.00	-1%	-3%	-3%	0%	77.25
82k dwt	5 tuổi	34.00	0%	-6%	-11%	-3%	30.25	150k dwt	5 tuổi	76.00	-1%	-5%	-8%	-4%	59.50
76k dwt	10 tuổi	24.50	0%	-3%	-16%	-6%	21.00	150k dwt	10 tuổi	58.00	-3%	-11%	-14%	-9%	44.25
74k dwt	15 tuổi	15.25	-3%	-9%	-22%	-11%	14.00	150k dwt	15 tuổi	41.00	-9%	-12%	-13%	-4%	28.50
SUPRAMAX						AFRAMAX									
62k dwt	Resale	38.50	-1%	-6%	-7%	1%	34.50	110k dwt	Resale	79.00	-4%	-7%	-7%	-5%	64.50
58k dwt	5 tuổi	32.00	-2%	-10%	-12%	2%	25.75	110k dwt	5 tuổi	64.00	-4%	-12%	-11%	-11%	50.50
56k dwt	10 tuổi	23.00	-1%	-8%	-18%	-4%	18.75	105k dwt	10 tuổi	51.50	-1%	-11%	-13%	-10%	37.25
52k dwt	15 tuổi	14.75	0%	-8%	-11%	-3%	12.75	105k dwt	15 tuổi	35.00	-5%	-14%	-15%	-8%	24.50
HANDYSIZE						MR									

37k dwt	Resale	33.50	-2%	-3%	-3%	-1%	28.75	52k dwt	Resale	51.00	-2%	-12%	-6%	-5%	44.25
37k dwt	5 tuổi	25.50	-3%	-7%	-9%	-7%	22.50	52k dwt	5 tuổi	41.00	-2%	-15%	-13%	-9%	35.00
32k dwt	10 tuổi	17.50	-8%	-13%	-15%	-4%	15.00	45k dwt	10 tuổi	31.00	-3%	-18%	-19%	-13%	25.25
28k dwt	15 tuổi	11.00	-8%	-12%	-15%	-10%	9.50	45k dwt	15 tuổi	21.50	-2%	-20%	-23%	-19%	17.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	180,000 cbm	261.00	1+2	Samsung H.I.	Celsius Tankers	Jun 2027	Price per unit
Bulker	82,000 dwt	37.00	4	Hengli China	Doun Kisen	FH 2026	Price per unit
Tanker	158,000 dwt	80.00	2	DH Shipbuilding	Sun Enterprises	Q1 2027	Old order, price per unit
Tanker	50,000 dwt	44.00	4	New Dayang	EMA Singapore	End 2027 – end 2028	Price per unit
Tanker	6,600 dwt	Undisclosed	2	Jiangxi New Jiangzhou H.I.	Mercurius Shipping Company	Jun – Sep 2026	Stainless steel chemical carriers
Container	18,000 teu	215.40	12	Hyundai H.I.	CMA CGM	End 2028	Price per unit
Container	8,400 teu	120.00	3+2	GSI China	Peter Dohle	Jun&Sep 2027 – Mar 2028	Price per unit
Container	1,800 teu	29.00	2	Huanghai	SITC International	Q4 2027	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	75.0	-1.32%	-1.96%	5.63%	13.64%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	-11.90%	-12.94%	-12.94%	-12.94%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	-11.54%	-11.54%	-10.39%	-12.94%
Handysize (37.000 dwt)	30.5	-11.59%	-11.59%	-11.59%	-12.94%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/2024	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	129.0	0.00%	0.00%	-0.39%	0.78%
Suezmax (170.000 dwt)	90.00	0.00%	0.00%	2.27%	5.26%
A.max (115.000 dwt)	75.0	0.00%	0.00%	1.35%	8.70%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	0.00%	1.96%	9.47%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tuần qua thị trường **Supramax** tiếp tục diễn biến chậm chạp. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 7.628 đô la Mỹ, giảm 450 đô la Mỹ so với mức 8.078 tuần trước. Thị trường Đại Tây Dương vẫn ảm đạm, nhu cầu mới ít ỏi. Hàng hóa giảm sức hút, với cước thuê tàu ở Đại Tây Dương giảm mạnh xuống dưới mức 12.000 đô la Mỹ. Không có gì đáng ngạc nhiên khi khu vực Thái Bình Dương trầm lắng trong tuần này do nghỉ lễ Tết Nguyên Đán. Với việc phân lớn các chuyến hàng vào đầu và giữa tháng 2 đã được chuẩn bị từ tuần trước với mức cước thấp và nguồn cung tàu giao ngay vẫn nhiều, có ý kiến cho rằng cước sẽ khó cải thiện trong tương lai gần. Ở Ấn Độ Dương, mặc dù xuất hiện thêm nhiều hợp đồng thuê tàu, nhưng cước phí vẫn gây thất vọng cho các chủ tàu và không có dấu hiệu cải thiện.

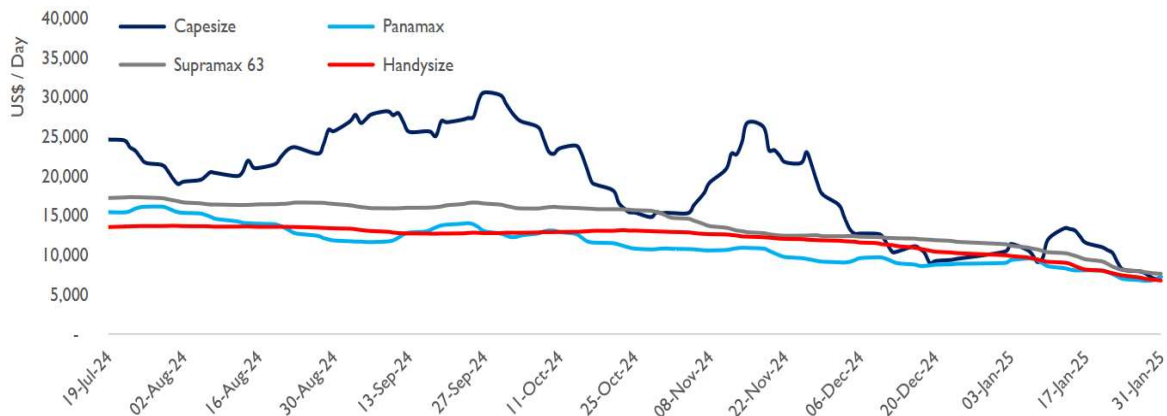
Thị trường **Handysize** tuần qua trải qua một tuần giao dịch ảm đạm với chỉ số cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 6.780 đô la Mỹ, giảm 626 đô la Mỹ so với mức 7.406 tuần trước. Phía Đại Tây Dương, cước ở Lục địa châu Âu và Địa Trung Hải hầu như không thay đổi, có thể là một dấu hiệu cho thấy cước đã chạm

đáy. Thị trường Vịnh Hoa Kỳ giảm nhẹ, các chủ tàu vẫn kỳ vọng sẽ thấy cước phí năm chữ số cho một tàu 38.000 dwt đối với các chuyến hàng xuyên Đại Tây Dương. Thị trường Nam Đại Tây Dương vẫn chưa ổn định, mặc dù mức cước phí giảm nhẹ trong tuần này. Thị trường Thái Bình Dương cũng âm ảm tương tự. Việc các kỳ nghỉ lễ đang diễn ra mạnh mẽ, hoạt động trên thị trường châu Á đã giảm đáng kể. Hầu hết các bên đã ký hợp đồng vận chuyển trước kỳ nghỉ và các chủ tàu có tàu miễn cưỡng chấp nhận mức cước phí hiện tại, thị trường dường như đang tạm dừng ở tất cả các khu vực xếp hàng.

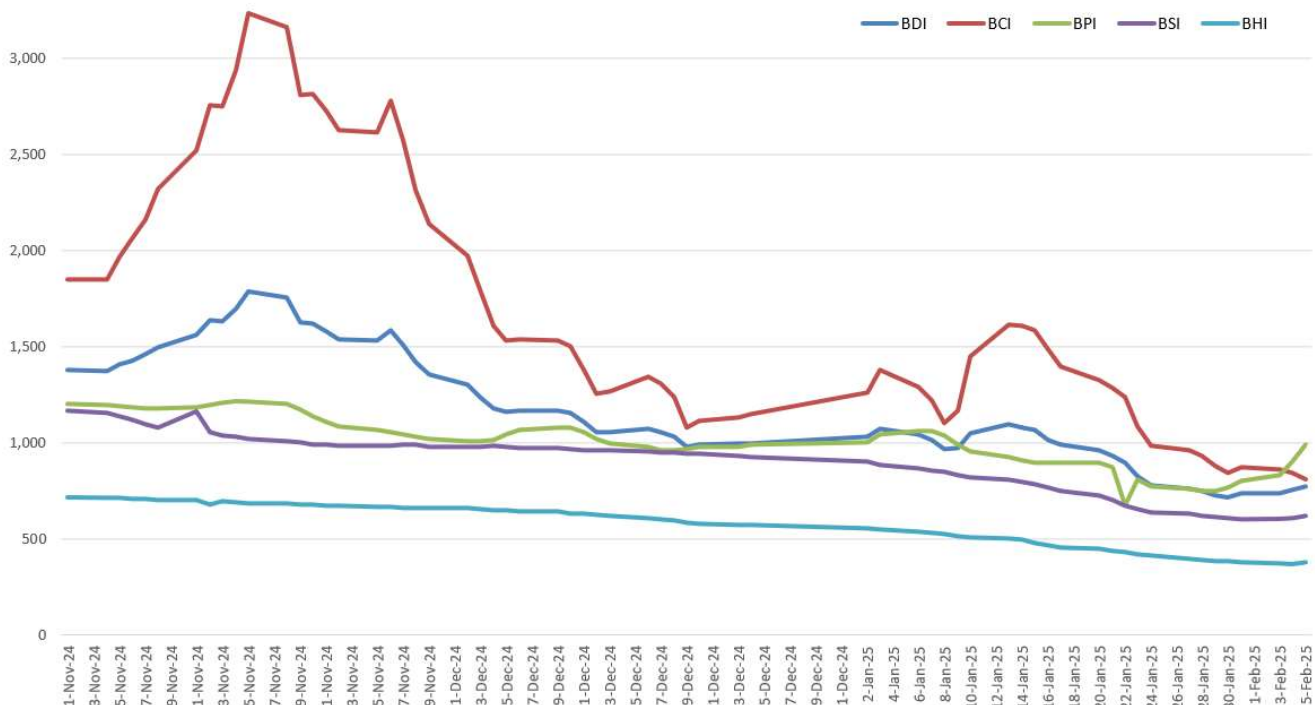
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 03/02/2025

	US\$/ngày	▲/▼
SUPRAMAX	5,594	▼ 450
HANDIES 38K	6,780	▼ 626

(so sánh với giá trị ngày 27/01/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô WTI giao dịch ở ngưỡng 72,28 đô la Mỹ/thùng - giảm 1,2% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 75,45 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,67%. Giá dầu bắt ngờ quay đầu giảm trong bối cảnh thị trường đang tiếp nhận kế hoạch áp thuế đối với Canada, Mexico và Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Donald Trump, Mỹ nhập khẩu khoảng 4 triệu thùng dầu của Canada mỗi ngày và hơn 450.000 thùng dầu của Mexico. Bên cạnh đó, bất chấp áp lực từ Tổng thống Mỹ Trump và giá dầu tăng gần đây, nhóm OPEC+ đã tuyên bố sẽ không thay đổi kế hoạch hiện tại. Đồng thời, Pakistan đã ký một thỏa thuận với Quỹ Phát triển Ả Rập Xê-út để hoãn khoản thanh toán 1,2 tỷ đô la Mỹ cho việc nhập khẩu dầu của nước này trong một năm..

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Mặc dù kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài, nhưng xu hướng thị trường VLCC vẫn diễn ra khá sôi động với cước hiện đang hồi phục mạnh mẽ trên hầu hết tất các tuyến. Đơn cử, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc tăng lên mức WS 60. Đặc biệt, các hoạt động tại khu vực Đại Tây Dương tăng mạnh khi các khách hàng Đông Á tìm kiếm nguồn cung dầu thô thay thế do mức chênh lệch giá dầu thô giữa WTI và Dubai. Nhìn chung, tâm lý chủ tàu đang được củng cố trong suốt tuần, khi họ giữ được vị thế tốt do số lượng tàu có sẵn đang giảm dần và dự báo nhu cầu xuất khẩu sẽ tăng mạnh tại khu vực USG vào tháng 3.										
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	29.154	38.973	↑	USG/Trung Quốc	44.003	45.316
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước								
Trung Đông/ Trung Quốc	29.154	38.973	↑								
USG/Trung Quốc	44.003	45.316	↑								

Phân khúc tàu Suezmax	Cước phân khúc Suezmax hiện cũng có dấu hiệu tích cực trong tuần này, đặc biệt khu vực Tây bán cầu, với ghi nhận cước trên tuyến Nigeria/UKC tăng lên WS 80. Bên cạnh đó, khu vực Biển Đen cũng thể hiện sự ổn định trong bối cảnh có nhiều hoạt động giao dịch, trong khi các khu vực khác nguồn cung tàu vẫn đang khá dư thừa. Theo ghi nhận, cước trên tuyến CPC/Med vẫn duy trì ở mức WS 89.										
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	27.479	34.455	↑	Guyana / UKC	23.575	28.095
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước								
Tây Phi / Cont	27.479	34.455	↑								
Guyana / UKC	23.575	28.095	↑								

Phân khúc tàu Aframax	Thị trường tàu Aframax tại khu vực Địa Trung Hải và UKC có xu hướng trầm lắng hơn so với tàu VLCC và Suezmax. Tuy nhiên, nhìn chung thị trường vẫn tương đối ổn định. Ghi nhận cước cho tuyến Cross-Med giảm nhẹ xuống mức WS 119. Trong khi đó, cước cho tuyến Biển Đen – Địa Trung Hải có sự cải thiện nhẹ khi đạt mức WS 140. Bên cạnh đó, khu vực Đại Tây Dương, thị trường có xu hướng tích cực hơn, với mức cước cho tuyến USG/UKC tăng lên mức WS 128.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	21.277	19.977	↓
	Med / Med	30.392	27.671	↓
	USG / Cont	22.291	26.775	↑
EC Mex / USG	17.613	20.924	↑	

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Mặc dù kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán tại Trung Quốc, nhưng người thuê tàu MR ở khu vực Bắc Á vẫn duy trì sự ổn định về nguồn hàng hóa trên cả thị trường. Số lượng tàu có sẵn đã giảm đáng kể. Áp lực về cước đã được giảm bớt, các tuyến Qingdao/Philippines và Hàn Quốc/Úc hiện giữ ổn định lần lượt quanh mức 545.000 đô la Mỹ với mức WS 180. Dự báo rằng nhu cầu hàng hóa từ khu vực Châu Á sẽ tăng lên do bắt đầu một số đợt bảo dưỡng của các nhà máy lọc dầu tại khu vực USG, điều này giúp củng cố tâm lý của các chủ tàu về sự ổn định và thời gian thuê tàu có thể duy trì lâu dài hơn. Thị trường MR tại khu vực UKC đã có khởi đầu vô cùng trầm lắng, khi chỉ có hai chuyến hàng được ghi nhận ký kết và cước hiện giảm xuống mức WS 145. Sau khi cước giảm xuống mức WS 135, một số người thuê đã tiến hành ký kết với ghi nhận khoảng 11 tàu đã rời khỏi khu vực. Tuy nhiên, các lô hàng từ Tây Phi chính là yếu tố chính thúc đẩy giá cước, hiện đã tăng lên mức WS 170, kéo theo cước trên tuyến Cont/USAC tăng lên mức WS 140. Mặc dù đầu tuần số lượng tàu trong khu vực khá cao, nhưng đến cuối tuần đã giảm xuống đáng kể, hiện chỉ còn 10 tàu có sẵn trong vòng 10 ngày tới (trong khi trung bình là khoảng 20 tàu). Chủ tàu dự kiến sẽ tiếp tục đẩy giá lên sau khi thị trường phục hồi nhanh chóng từ mức đáy trong tuần này.

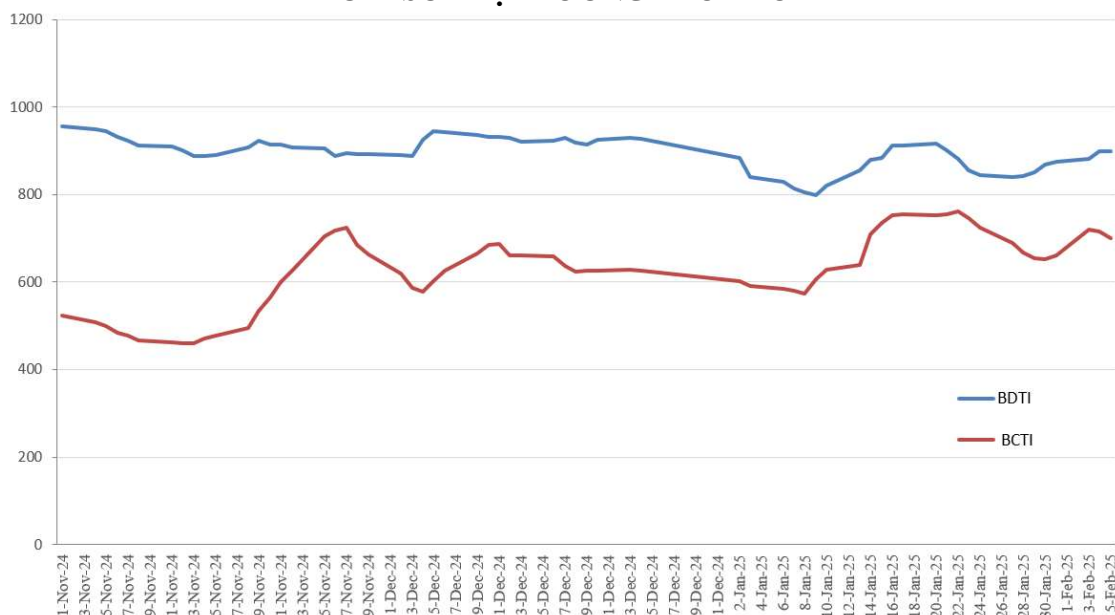
Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch tại thị trường Châu Á có xu hướng trầm lắng, nguyên nhân do vẫn còn đang trong kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán. Các giao dịch về phía Bắc vẫn tiếp tục suy yếu do nhu cầu về hàng hóa trên thị trường khan hiếm, chỉ có Petronas và Hengyi duy trì với vài đơn hàng vào tháng 2. Đơn cử, Petronas chào đơn hàng 3.000 tấn hóa chất từ Kerteh đi Trung Quốc vào giữa tháng 2 và Hengyi chào đơn hàng 12.000 tấn BTX từ Muara đi Trung Quốc vào cuối tháng 2. Hiện chưa có mức cước cho các đơn hàng trên nhưng dự kiến sẽ ở mức thấp. Hoạt động giao dịch về hướng phía Nam cũng chậm lại do ảnh hưởng kỳ nghỉ này, cước cho tàu MR tại khu vực giảm 10% và các tàu nhỏ cũng có xu hướng giảm theo. Mặc dù vẫn còn những lô hàng MEAC/MTBE cỡ 10.000-12.000 tấn được chào cho giữa tháng 2, nhưng do giá giảm nên các hợp đồng mua bán vẫn chưa chốt được thỏa thuận. Các giao dịch tại Viễn Đông vẫn khá ổn định dù cả sản xuất và nhu cầu đều giảm trong kỳ nghỉ lễ. Hầu hết các tàu đã được ký kết cho các chuyến đi vào tháng 2, tuy vậy mức cước chở 10.000-12.000 tấn BTX từ Hàn Quốc đi Trung Quốc vẫn chỉ ở mức 22-25 đô la Mỹ/tấn. Đối với hàng dầu cò, ghi nhận cước cho lô hàng 10.000-12.000 tấn từ Straits/ECI và 16.000-18.000 tấn từ Straits/WCI-Pakistan lần lượt được ký kết quanh mức 28-30 đô la Mỹ/tấn và 34-36 đô la Mỹ/tấn. Bên cạnh đó, thị trường CPP tại Trung Đông cũng có xu hướng giảm, mặc dù nhu cầu về hàng hóa cho các chuyến vào tháng 2 vẫn xuất hiện. Theo ghi nhận, các nhà sản xuất/thương nhân ở khu vực Viễn Đông đang cạnh tranh với các nhà sản xuất tại khu vực AG cho đề nhập khẩu vào khu vực WCI. Mặc dù vậy, một số chuyến gần đây

có mức cước cao hơn khoảng 5-10 đô la Mỹ/tấn so với mức trước đó. Tuy nhiên, dự đoán rằng việc giảm bớt cạnh tranh trong khu vực cũng chưa thật sự dẫn đến việc tăng cước tổng thể. Hy vọng điều này sẽ được cải thiện vào tháng 3 khi các hợp đồng được gia hạn.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 05/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 03/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,500	48,000	47,500	45,500	48,000	48,000
SUEZMAX	35,000	37,000	37,000	36,000	38,000	39,000
AFRAMAX	31,500	32,000	32,000	32,500	34,000	35,500
LR-2	31,000	32,000	31,000	33,000	34,000	35,000
LR-1	23,500	23,500	23,000	25,000	24,000	25,000
MR	22,000	21,500	21,500	22,500	22,000	22,000
HANDY	19,000	19,500	19,500	19,500	20,000	20,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	450		470		480	
2	Bangladesh	450	▼ 10	470	▼ 10	480	▼ 10
3	India	445	▼ 10	465	▼ 10	475	▼ 10
4	Turkey	310		320		330	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 05/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Hyundai Greenpia	LNG	1996	29,976	-	580.00	71,684	As is Singapore, option delivery subcont US\$635/ldt, steam turbine m/e
Takun	Tanker	1977	47,335	India	-	348,592	FPSO, delivered under tow
Nolan	Tanker	1998	21,861	India	422.00	153,152	Formaly Iranian flag, detained on arrival
Martha Option	Tanker	1993	3,868	-	660.00	13,360	As is Belawan, incl abt 340t stainless steel
Tasos	Bulker	2000	10,738	Bangladesh	476.00	75,100	Incl a large qty of bunkers
Ocean Peace	Bulker	1994	10,848	Bangladesh	455.00	73,144	
Wellgem	Bulker	1997	9,478		420.00	69,925	As is Guishan, China
Leena	Bulker	1994	5,040	India	441.00	22,050	
Ak Hamburg	MPPs	1982	2,574	India	440.00	5,456	
Alek	MPPs	1988	3,120	Bangladesh	-	5,029	
Zenith	Container	1985	3,826	Bangladesh	-	10,354	

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU**

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*